

Số: /KH-UBND

Tà Lại, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 xã Tà Lại, áp dụng cho giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ);

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (được sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025 (áp dụng cho 55 xã, phường hình thành sau sáp nhập);

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Kế hoạch số Căn cứ Kế hoạch số 73/KH-SoNNMT ngày 25/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về về Điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, áp dụng cho giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã Tà Lại về việc thành lập Ban chỉ đạo Điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ

làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 của xã Tà Lài, áp dụng cho giai đoạn 2022-2025;

UBND xã Tà Lài xây dựng Kế hoạch điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 xã Tà Lài, áp dụng cho giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 của xã Tân Phú, áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều của trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ và theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh tại Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai (áp dụng với 55 xã hình thành sau sáp nhập) để triển khai thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

- Điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp phải thực hiện đúng quy trình, bảo đảm trung thực, khách quan, công khai, minh bạch, chính xác, không bỏ sót đối tượng.

- Tổng hợp, thống kê, báo cáo kết quả điều tra đảm bảo theo các biểu mẫu, phụ lục, thời gian quy định.

II. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn xã theo chuẩn nghèo đa chiều của trung ương và của tỉnh Đồng Nai cuối năm 2025, áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (áp dụng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh mới).

- Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có Giấy đề nghị rà soát hộ có mức sống trung bình.

- Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (đối tượng dự trù phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo mới trong năm).

- Hộ, người lao động có thu nhập thấp có Giấy đề nghị rà soát.

III. Phương pháp rà soát, xác định tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

Phương pháp rà soát là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo quy định

tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ) và Điều 2 Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh, cụ thể:

1.1. Theo chuẩn nghèo trung ương

a) Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

- Tiêu chí thu nhập: 1.500.000 đồng/người/tháng.
- Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
- + Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- + Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

b) Chuẩn hộ nghèo trung ương:

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống (tương đương 140 điểm) và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

c) Chuẩn hộ cận nghèo trung ương:

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống (tương đương 140 điểm) và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

d) Chuẩn hộ có mức sống trung bình trung ương:

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

1.2. Theo chuẩn nghèo đa chiều tỉnh Đồng Nai

a) Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

- Tiêu chí thu nhập: 2.000.000 đồng/người/tháng (tương đương 170 điểm).
- Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
- + Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- + Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

b) Chuẩn hộ nghèo của tỉnh

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 02 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

c) Chuẩn hộ cận nghèo của tỉnh

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 02 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

- Việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo mức chuẩn được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn trung ương

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

b) Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn tỉnh Đồng Nai

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

3. Phương pháp xác định Người lao động có thu nhập thấp theo chuẩn trung ương.

Người lao động có thu nhập thấp là người lao động thuộc hộ gia đình (không bao gồm người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo) có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.250.000 đồng trở xuống.

IV. Quy trình, tiến độ thực hiện

1. Quy trình, tiến độ điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Chuẩn bị điều tra, rà soát (bước 01):

- Xây dựng kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều trung ương và của tỉnh trên địa bàn, áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025. Thành lập Ban Chỉ đạo cuộc điều tra hộ nghèo cấp xã thành phần cụ thể: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban, lãnh đạo Phòng Kinh tế làm Phó Trưởng ban thường trực, Đề nghị lãnh đạo Ủy ban MTTQVN cấp xã tham gia với tư cách Phó trưởng ban; Thành viên gồm: Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo; Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác tài chính, y tế, giáo dục, xây dựng, thông tin và truyền thông; bộ phận Thống kê, phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Dự trù kinh phí điều tra liên quan đến công tác điều tra, rà soát.

- In, cấp phiếu điều tra trên cơ sở số lượng hộ điều tra sau khi đã nhận dạng nhanh phiếu A và lập danh sách hộ cần điều tra ngoài danh sách nhận dạng nhanh phiếu A (Phiếu điều tra bao gồm: Phiếu B1 - Thông tin chung về hộ gia đình; Phiếu B1A - Bảng chấm điểm khu vực thành thị; Phiếu B1B - Bảng chấm điểm khu vực nông thôn Đông Nam Bộ; Phiếu B2 - Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản).

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn của trung ương và chuẩn của tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, áp, đặc biệt là các hộ dân trên các phương tiện truyền thông và các hình thức phù hợp khác.

- Tổ chức lực lượng điều tra viên là người hiểu biết tình hình dân cư tại địa bàn, có kinh nghiệm trong công tác điều tra để thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình (sau đây gọi là rà soát viên) phù hợp với số lượng hộ dân điều tra, rà soát trên địa bàn. Ưu tiên lựa chọn rà soát viên là cán bộ làm công tác giảm nghèo, những người có nhiều kinh nghiệm về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, biết tiếng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn (nếu có), am hiểu đặc điểm của địa phương.

- Cấp phát tài liệu, phiếu điều tra, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho rà soát viên và trưởng các ấp.

1.2. Tổ chức điều tra, rà soát (Bước 02):

a) Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp, khu phố và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo của trung ương, lập danh sách theo Mẫu số 01, các hộ này không thực hiện nhận dạng nhanh bằng phiếu A.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 02 (trường hợp hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn chưa có giấy đề nghị rà soát thì ấp, rà soát viên hướng dẫn viết Giấy đề nghị rà soát), Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp, rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Mẫu số 03 để tiến hành nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp hộ gia đình có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 hoặc hộ gia đình không đạt các tiêu chí trong phiếu nhận dạng nhanh nhưng có hoàn cảnh khó khăn thì cần đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 01 (lập danh sách chung với hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025).

b) Tổ chức điều tra, rà soát, phân loại hộ gia đình

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng ấp và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình, cụ thể:

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025, tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025 theo Phiếu B1 (gồm B1; B1A; B1B), Mẫu số 04 và Phiếu B2 Mẫu số 05. Kết quả điều tra ghi điểm Phiếu B1, B2 vào danh sách Mẫu số 01.

- Đối với danh sách hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát (danh sách theo Mẫu số 01), tiến hành điều tra, rà soát theo phiếu B1 (gồm B1; B1B) Mẫu số 04 và Phiếu B2 Mẫu số 05. Kết quả điều tra ghi điểm Phiếu B1, B2 vào danh sách Mẫu số 01.

- Lưu ý: Việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp chỉ thực hiện khi hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát.

c) Phân loại kết quả

*** Đối với chuẩn nghèo trung ương**

- Căn cứ phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

+Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1): 140 điểm tương

đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng.

+ Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hộ nghèo: Là hộ có điểm B1 \leq 140 điểm và điểm B2 \geq 30 điểm.

Hộ cận nghèo: Là hộ có điểm B1 \leq 140 điểm và điểm B2 $<$ 30 điểm.

*** Đối với chuẩn nghèo của tỉnh**

- Căn cứ phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

+ Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1): 170 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng;

+ Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hộ nghèo: Là hộ có điểm B1 \leq 170 điểm và điểm B2 \geq 20 điểm.

Hộ cận nghèo: Là hộ có điểm B1 \leq 170 điểm và điểm B2 $<$ 20 điểm.

d) Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, trưởng ấp (chủ trì cuộc họp), Bí thư Chi bộ ấp, đoàn thể ấp, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

- Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát lập theo Mẫu số 06.

đ) Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 07 và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo Mẫu số 08 tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời gian niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà

soát cấp xã tổng hợp, tổ chức cuộc họp và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

e) Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND cấp tỉnh (đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường biết, tham mưu) về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản.

- UBND cấp xã báo cáo sơ bộ (Mẫu 1A, 1B, 1C) kết quả điều tra về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trước ngày 30/10/2025.

1.3. Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát (Bước 03):

- Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 09 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 10.

- Báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) kết quả rà soát công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Phụ lục ban hành kèm theo kế hoạch này, bao gồm: 1A, 1B, 1C; 2A, 2B; 3A, 3B; 4A, 4B, 5A, 5B; 6A, 6B; 7A, 7B; 8A, 8B; 9A, 9B; 10A, 10B; 11A, 11B của Kế hoạch số 73/KH-SoNNMT ngày ngày 25/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc theo Phụ lục VII của Văn bản nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Trình UBND cấp tỉnh xem xét ban hành quyết định phê duyệt kết quả rà soát cuối năm 2025 (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp).

- Kết quả điều tra, rà soát hoàn thành trước ngày 30/11/2025

2. Quy trình, tiến độ điều tra rà soát hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

a) Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg (thực hiện từ ngày 15 hàng tháng). Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Quy trình, tiến độ điều tra rà soát Người lao động có thu nhập thấp

a) Người lao động thuộc hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú có giấy đề nghị xác nhận người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh năm 2025 theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của người lao động có thu nhập thấp; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận người lao động có thu nhập thấp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg (thực hiện từ ngày 15 hằng tháng). Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

V. Thời gian

Thời gian điều tra, rà soát: Từ ngày 01/9/2025 đến ngày 29/11/2025

VI. Kinh phí điều tra, rà soát

- Kinh phí phục vụ cuộc điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 của xã Tà Lài, áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 do ngân sách cấp xã bố trí.

- Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế xã

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã thành lập Ban chỉ đạo cuộc điều tra cấp xã.

- Xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí, là cơ quan thường trực chỉ đạo thực hiện cuộc điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025, giai đoạn 2022 - 2025 tại địa phương theo các văn bản quy định của trung ương, UBND tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành cấp tỉnh.

- In và cấp phiếu điều tra cho các ấp và rà soát viên. Hướng dẫn nghiệp vụ điều tra và theo dõi, kiểm tra tiến độ điều tra của các ấp.

- Tổng hợp, phân tích danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn TW và chuẩn tỉnh (nếu có); Danh sách hộ có mức sống trung bình theo mẫu đính kèm (danh sách chuẩn tỉnh không tính chuẩn TW);

- Bổ sung kinh phí điều tra (truyền thông, hội họp, tập huấn, in ấn tài liệu, phiếu điều tra, chi trả phiếu điều tra cho điều tra viên cấp xã, thị trấn công tác phí, làm thêm giờ...).

2. Phòng Văn hoá - Xã hội xã

Tổ chức truyền thông, phổ biến rộng rãi, tuyên truyền mục đích, yêu cầu,

ý nghĩa của cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn của trung ương và chuẩn của tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, ấp, đặc biệt là các hộ dân trên các phương tiện truyền thông và các hình thức phù hợp khác.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tham gia tuyên truyền, tăng cường giám sát việc điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng theo quy định.

Trên đây là nội dung Kế hoạch điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025, áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã Tà Lài./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Phòng Văn hoá-Xã hội xã;
- Lưu: VT, KT.

(Hà, mail 34b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Thị Thu Tâm